

Số: 128 /QĐ-TTVHĐA

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán ngân sách địa  
phương đợt 1 năm 2025 của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM VĂN HÓA - ĐIỆN ẢNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-SVHTTDL ngày 18/6/2025 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Đồng Nai về việc giao bổ sung dự toán ngân sách đợt 01 năm 2025 cho Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai.

Xét đề nghị của Trưởng phòng, Phòng Hành chính Tổng hợp Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán ngân sách đợt 1 năm 2025 của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh (theo biểu mẫu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng Hành chính Tổng hợp, phòng Nghiệp vụ Văn hoá, phòng Nghiệp vụ Điện ảnh, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

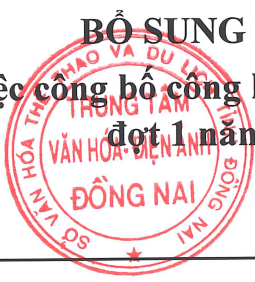
- Như Điều 3;
- Sở VHTTDL;
- BGĐ Trung tâm;
- Lưu VT (Q.Vĩnh).



GIÁM ĐỐC

Tôn Thị Thanh Tình

Đơn vị: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh Đồng Nai  
Chương: 425



**BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**Về việc công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán ngân sách địa phương**  
**đợt 1 năm 2025 của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh.**  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số TT | Nội dung                                                                                                                                                               | Dự toán được giao |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1     | 2                                                                                                                                                                      | 3                 |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                                                                                                            |                   |
| I     | Số thu phí, lệ phí                                                                                                                                                     |                   |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                                                                                                                       |                   |
| 1     | Chi sự nghiệp.....                                                                                                                                                     |                   |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                         |                   |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                   |                   |
| 2     | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                 |                   |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                       |                   |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                 |                   |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                                                                                                                  |                   |
| 1     | Lệ phí                                                                                                                                                                 |                   |
| 2     | Phí                                                                                                                                                                    |                   |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                                                                                                         | 12.534.166.000    |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                                                                                                                             | 12.534.166.000    |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                 |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                       |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                                 |                   |
| 2     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề                                                                                                                            |                   |
| 2.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                         |                   |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                   |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                                                                                                                 |                   |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                         |                   |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                   |                   |
| 4     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                                                                                                                        | 12.534.166.000    |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                                         |                   |
| 4.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                                   | 12.534.166.000    |
| +     | Hỗ trợ kinh phí tổ chức đảm bảo hợp luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và tham gia diễu binh, diễu hành trong Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. | 5.969.000.000     |
| +     | Tuyên truyền lưu động (Buổi biểu diễn tuyên truyền lưu động + nhiên liệu xe chuyên dùng tại các huyện, TP. Biên Hòa, TP. Long Khánh)                                   | 676.800.000       |
| +     | Kinh phí đặt hàng buổi chiếu phim lưu động                                                                                                                             | 2.876.976.000     |
| +     | Tuyên truyền phục vụ các ngày lễ khác năm 2025                                                                                                                         | 1.098.000.000     |



| Số TT | Nội dung                                                                                                                                                                            | Dự toán được giao |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| +     | Tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật; tổ chức Hội thi, Liên hoan trong tỉnh và tham gia giao lưu, hội nghị trong và ngoài khu vực (bao gồm chi phí tổ chức + chi phí trang trí) | 981.000.000       |
| +     | Kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)                                                                                                | 729.870.000       |
| +     | Kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống CAND Việt Nam, 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc                                                                                     | 172.520.000       |
| +     | TRỢ cấp Tết nguyên Đán                                                                                                                                                              | 30.000.000        |

